

Bản án số: 31/2022/DS-PT
Ngày 13-6- 2022
*“Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hải M

Bà Trần Thị Mỹ H

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Tuyết L - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng
11 năm 2021 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, do Bản án dân sự sơ thẩm
A số 12/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân A, tỉnh Nghệ An, bị
kháng cáo theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2022/QĐ-PT
ngày 04 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 12, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: - Chị Đậu Thị Thanh B, sinh năm 1985. Có mặt

- Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1984. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người kháng cáo: Chị Đậu Thị Thanh B và anh Trần Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị
Phan Thị L trình bày:*

Chị và vợ chồng chị Đậu Thị Thanh B, anh Trần Ngọc H có quen biết nhau. Trước đó chị có cho vợ chồng chị B, anh H vay tiền nhiều lần, đến ngày 04/8/2020 hai bên chốt nợ là 1.036.000.000đ (một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu đồng) gồm tiền gốc và tiền lãi của các lần vay trước cộng lại, thời hạn trả là ngày 04/10/2020.

Đến khoảng 4 tháng sau, khi quá thời hạn trả nợ, do H cảnh kinh tế khó khăn vì dịch bệnh, chị B, anh H không có điều kiện trả nợ nên xin khất nợ và xin bớt tiền lãi của một số tháng hơn 200.000.000đ. Chị đồng ý, và có ghi giấy 800.000.000đ; giấy đó do anh H và chị B viết, ký, thời gian cụ thể chị không nhớ, lúc đó vào khoảng tháng 12/2020.

Sau nhiều lần đòi nợ anh H, chị B hẹn sẽ trả cho chị số tiền 300.000.000đ vào ngày 05/01/2021. Đến sáng ngày 05/01/2021 chị xuống nhà anh H, chị B nhưng họ nói tiền chưa đổ về tài khoản. Đến 3 giờ chiều cùng ngày chị tiếp tục xuống nhà anh H, chị B chờ, đến khoảng 6 giờ tối anh H mới nói là giờ họ mới chuyển tiền, yêu cầu chị ghi lại giấy chốt nợ mới. Đến khoảng hơn 6 giờ tối, sau khi nhận được số tiền 300.000.000đ do anh H chuyển đến số tài khoản của chị, chị gạch giấy nợ 800.000.000đ và đưa cho chị B, anh H giữ. Sau đó hai bên viết giấy chốt nợ lại vào ngày 05/01/2021 với số tiền 500.000.000đ, chị giữ 01 bản và vợ chồng anh H, chị B giữ 01 bản. Đến ngày 09/02/2021 chị B trả cho chị số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), chị B yêu cầu chị viết giấy nhận số tiền đó vào sổ của chị B. Sau đó, chị đã nhiều lần yêu cầu anh H, chị B trả tiền nhưng họ không trả. Nay chị yêu cầu anh H, chị B phải trả cho chị số tiền 450.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 06/02/2021 đến ngày 24/6/2021 là 20.000.000đ. Tổng cộng là 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tại bản tự khai ngày 15/7/2021, biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2021, biên bản hòa giải ngày 22/7/2021 chị Đậu Thị Thanh B trình bày:

Trước đó, vợ chồng chị có vay tiền của chị L nhiều lần. Ngày 04/08/2020 hai bên chốt nợ với nhau số tiền 1.036.000.000đ như giấy vay tiền chị L cung cấp cho Tòa án. Đến cuối tháng 10/2020 do vợ chồng chị chưa có tiền trả nên chị L có xuống chốt cả gốc và lãi khoảng 1.160.000.000đ, số tiền cụ thể chị không nhớ. Khi viết giấy chị L giữ, giấy đó do chị viết vào mẫu giấy vay tiền của chị L. Hiện nay có còn hay không thì chị không biết. Vào khoảng cuối tháng 12/2020 vợ chồng chị có trả cho chị L hơn 600.000.000đ bằng tiền mặt trả 1 lần, ngày cụ thể chị không nhớ, khi trả thì trả tại nhà chị, nhưng không viết giấy tờ gì, không ai chứng kiến. Đến sáng ngày 05/01/2021 vợ chồng chị và chị L chốt nợ với nhau, vợ chồng chị còn nợ chị L 500.000.000đ, chị viết giấy chốt nợ, cả hai vợ chồng cùng ký vào và hẹn 1 tháng sau sẽ trả cho chị L. Tại thời điểm chị

trả cho chị L hơn 600.000.000đ, chị và chị L không viết giấy chốt nợ luôn mà đến ngày 05/01/2021 hai bên mới viết giấy chốt nợ là do lúc đó chị L không đưa giấy chốt nợ hơn 1 tỷ đồng. Tại thời điểm hai bên chốt nợ 500.000.000đ vào sáng ngày 05/01/2021 chị L cũng không đưa giấy chốt nợ hơn 1 tỷ đồng trước đó nhưng chị L có nói là về chị gạch sổ.

Đến 18 giờ ngày 05/01/2021, anh H có chuyển vào tài khoản của chị L 300.000.000đ. Số tiền này là của vợ chồng chị đi vay của người khác, chuyển đến tài khoản của anh H trước đó khoảng 1, 2 ngày. Khi chuyển tiền đến số tài khoản của chị L hai bên không gặp nhau nên cũng không viết lại giấy vay nợ.

Đến ngày 09/2/2021 chị có trực tiếp trả tiền mặt cho chị L 50.000.000đ, khi trả chị yêu cầu chị L viết giấy đã nhận của chị 50.000.000đ, chị đã xuất trình cho Tòa án. Do lúc đó giáp tết, nghĩ là chị em làm ăn ăn tin tưởng nhau nên chị không yêu cầu chị L viết lại giấy chốt nợ. Như vậy hiện nay vợ chồng chị còn nợ của chị L 150.000.000đ tiền gốc. Chị L làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả cho chị 450.000.000đ và tiền lãi suất 20.700.000đ, thì chị chỉ nhất trí trả cho chị L 150.000.000đ tiền gốc, chị xin giảm một phần tiền lãi và đề nghị chị L chỉ tính lãi suất 0,7%/tháng vì hiện nay do tình hình kinh tế còn khó khăn.

Ngày 24/9/2021 chị B nộp cho Tòa án đơn trình bày ghi ngày 23/9/2021, Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh Trần Ngọc H, 01 Giấy viết tay ngày 05/01/2021 (bản chính) có chữ ký “Phan Thị L”, 01 Giấy viết tay ghi ngày 09/02/2021 (bản chính) có chữ ký “Phan Thị L”, 02 giấy viết tay có chữ ký nháy của chị B, chị cho rằng 2 giấy này là do chị L viết. Tại đơn trình bày và tại phiên tòa chị B trình bày: Từ ngày 23/10/2019 đến ngày 21/11/2019 vợ chồng chị có vay của chị L 6 lần với tổng số tiền 2.010.000.000đ (Hai tỷ không trăm mười triệu đồng), lãi suất 2.000đ/triệu/ngày, trong đó ngày 23/10/2019 vay 420.000.000đ, ngày 25/10/2019 vay 60.000.000đ, ngày 07/11/2019 vay 50.000.000đ, ngày 12/11/2019 vay 1.300.000.000đ, ngày 21/11/2019 vay 180.000.000đ. Quá trình vay nợ vợ chồng chị đã trả được cho chị L nhiều lần tiền gốc, cụ thể ngày 02/12/2019 trả 990.000.000đ (chuyển khoản), ngày 20/01/2020 trả 400.000.000đ (chuyển khoản); từ năm 2019 đến năm 2020 chị trả cho chị L 116.000.000đ tiền lãi; trả 1 lần 536.000.000đ sau khi có giấy chốt nợ ngày 04/8/2020, ngày 09/02/2021 trả 50.000.000đ. Sau mỗi lần vợ chồng chị trả tiền thì chị viết lại giấy vay tiền mới cộng lãi và gốc lại. Giấy vay tiền đều không ghi lãi suất, viết theo mẫu giấy vay tiền viết sẵn của chị L. Chị đề nghị tính lãi 20%/năm vì cho rằng chị L cho vay lãi suất cao. Chị cho rằng hiện nay vợ chồng chị còn nợ của chị L 34.375.000đ nên chỉ đồng ý trả cho chị L số tiền trên.

Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ các Điều 463, 468,

470 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L. Buộc anh Trần Ngọc H và chị Đậu Thị Thanh B phải trả cho chị Phan Thị L số tiền 467.250.000đ (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó tiền gốc 450.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 05/01/2021 và 17.250.000đ tiền lãi tính từ ngày 06/02/2021 đến ngày 24/6/2021.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và về nghĩa vụ thi hành án dân sự, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, chị Đậu Thị Thanh B và anh Trần Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 12/2021/DSST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện D, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bị đơn và nguyên đơn thỏa thuận: bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng và chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn đồng ý với đề nghị của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và các bên đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Xét kháng cáo của chị Đậu Thị Thanh B, anh Trần Ngọc H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Bị đơn chị Đậu Thị Thanh B và anh Trần Ngọc H làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định được Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An chấp nhận nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: chị B, anh H đề nghị trả cho chị L số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Chị L đồng ý với đề nghị của chị B, anh H, đã nhận đủ 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và đồng ý với việc chị B, anh H thỏa thuận chịu toàn bộ án

phí sơ thẩm. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, cần được chấp nhận.

[3] Án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị B và anh H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Chị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: chị B, anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự: Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1. Căn cứ các Điều 463, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn chị Phan Thị L và bị đơn chị Đậu Thị Thanh B, anh Trần Ngọc H. Anh Trần Ngọc H và chị Đậu Thị Thanh B phải trả cho chị Phan Thị L số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 05/01/2021. Chị L đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

2. Án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đậu Thị Thanh B và anh Trần Ngọc H và phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H trả cho chị L số tiền 11.767.000 đồng (mười một triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002462 ngày 24/6/2021.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Đậu Thị Thanh B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0007517 ngày 12/10/2021.

Anh Trần Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0007520 ngày 12/10/2021.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND, TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy Ng